

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27/9/2022

Về việc “*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hùng Hưng;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đình Hưng và ông Phạm Văn Miền.

Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Lê Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 177/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị P, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn C trải qua thời gian tìm hiểu nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 17/02/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Tháng 4 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung.

Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Xét thấy, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, không thể Hn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 02/9/2010 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 26/3/2016. Bà đề nghị trực tiếp nuôi 02 con, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mức 500.000 đồng/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hồ Thị P có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 17/02/2009 .

Trong thời gian chung sống, do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng có xảy ra xô xát, mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Theo ông C thì ông vẫn còn tình cảm với bà P nên không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 02/9/2010 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 26/3/2016. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông đề nghị được nuôi cháu D, giao cháu H cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con cháu D.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản ghi ý kiến ngày 12/8/2022, cháu Nguyễn Thị Khánh H (là con chung trên 7 tuổi) có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho bà Hồ Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn C. Giao cả 02 con cho bà P nuôi dưỡng. Buộc ông C cấp dưỡng nuôi con mức 500.000đ/con/tháng. Buộc bà P chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ông C chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách nH nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Hồ Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn C và giải quyết nuôi con. Bà P là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

[1.2] Ông Nguyễn văn C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị P và ông Nguyễn Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số I/2009). Hôn nhân giữa bà P và ông C là hợp pháp.

Bà P cho rằng, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, nhiều lần mâu thuẫn, cãi vã nhau. Ông C không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2022 cho đến nay.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông C thừa nhận vợ chồng có xảy ra xô xát, mâu thuẫn, cãi vã. Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2022, ông C đồng ý ly hôn. Tại biên bản hòa giải ngày 18/8/2022, ông C cho rằng, ông vẫn còn tình cảm với bà P nên không đồng ý ly hôn.

Ông C đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, ông C không quan tâm đến quan hệ hôn nhân. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho bà P được ly hôn với ông C.

[2.2] Về con chung: Bà P và ông C có 02 con chung gồm: Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 02/9/2010 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 26/3/2016 (cả 02 con đều đang sinh sống cùng bà P). Bà P yêu cầu được nuôi cả 02 con, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mức 500.000 đồng/con/tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu D và cháu H đủ 18 tuổi.

Nguyện vọng của cháu H là được sinh sống cùng bà P.

Ông C đề nghị được nuôi cháu D, giao cháu H cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con cháu D. Tuy nhiên, ông C không tham gia phiên tòa để tranh chấp về nuôi con.

Bà P có nghề nghiệp ổn định, có sức khỏe và có thu nhập ổn định. Ông C cũng có nghề nghiệp ổn định, có sức khỏe, có khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà P.

Xét yêu cầu nuôi con chung của bà P là có căn cứ, cần áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu H và cháu D cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức 500.000 đồng/con/tháng tính từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu H, cháu D đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Cần buộc nguyên đơn bà Hồ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách NH nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Hồ Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hồ Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 02/9/2010 và cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 26/3/2016 cho bà Hồ Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức 500.000 đồng/con/tháng, tính từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu H, cháu D đủ 18 tuổi.

Ông C được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản.

Bà P và ông C đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Buộc bà Hồ Thị P chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, ông Nguyễn Văn C chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách NH nước.

Bà P được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006837 ngày 19/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

4. Các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Hng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của

Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi Hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn C;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hùng Hưng